

Bản án số: 36/2022/DS-ST

Ngày: 07/6/2022

Về việc: “Tranh chấp Hợp tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

2. Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 483/2022/QĐST-DS ngày 17/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần H

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng B, toà nhà T, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí M.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hoàng L - Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Huỳnh Thị Như Ng - Giám đốc XLN KHCN.

Địa chỉ: Số C khu phố A, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (*Theo Giấy uỷ quyền số 1746/2020/UQ-TGD12 ngày 22/4/2020*)

- Bị đơn: ông **Lê Xuân M**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: số nhà M, tổ 4, khu phố 3 (nay là khu phố 12), phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Nga có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông M vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Như Ng trình bày:*

Ngân hàng TMCP H và ông Lê Xuân M đã ký kết Hợp đồng cho vay và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cho vay số: 172/2017/HĐCV ngày 29/12/2017:

Số tiền vay 375.000.000 đồng; Mục đích vay vốn để sửa chữa nhà ở; Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; Lãi suất cho vay: 23%/năm; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần.

Ngày 29/12/2017, Ngân hàng TMCP H đã giải ngân cho ông Lê Xuân M theo Khế ước nhận nợ số: 172/2017/KUNN, số tiền là 375.000.000 đồng.

2. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/12/2017:

Hạn mức cấp thẻ tín dụng theo đơn đăng ký ngày 29/12/2017 của ông Lê Xuân M là 24.000.000 đồng. Lãi suất tối thiểu theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 32%/năm. Hạn mức duy trì sử dụng là 36 tháng. Ngày 02/01/2018, Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho ông Lê Xuân M sử dụng thẻ tín dụng theo Hợp đồng nói trên với số tiền là 24.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, **tính đến ngày 16/5/2018** ông Lê Xuân M đã trả được số tiền nợ gốc 23.501.443 đồng; trả nợ lãi 12.831.684 đồng. Sau ngày 16/5/2018 ông M ngưng không trả thêm khoản nào. Ngân hàng TMCP H đã nhiều lần yêu cầu ông M trả nợ, nhưng ông M không trả. Do vậy, ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Tính đến ngày 07/6/2022, ông Lê Xuân M còn nợ Ngân hàng TMCP H với tổng số tiền là: 843.765.390 đồng. Trong đó: Nợ gốc 375.498.557 đồng; Nợ lãi trong hạn: 383.310.094 đồng; Nợ lãi quá hạn: 84.956.739 đồng, cụ thể từng khoản nợ như sau:

- Hợp đồng cho vay số: 172/2017/HĐCV ngày 29/12/2017: Nợ gốc 351.498.557 đồng; Nợ lãi trong hạn 356.356.180 đồng; Nợ lãi quá hạn 75.488.246 đồng.

- Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/12/2017: Nợ gốc 24.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 26.217.476 đồng; Nợ lãi quá hạn 9.137.096 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lê Xuân M phải trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/6/2022) là 843.765.390 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc 375.498.557 đồng; Nợ lãi trong hạn: 383.310.094 đồng; Nợ lãi quá hạn: 84.956.739 đồng.

Kể từ ngày 08/6/2022, ông Lê Xuân M còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay 172/2017HĐCV ngày 29/12/2017 và Khế ước nhận nợ số: 172/2017/KUNN ngày 29/12/2017 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng 28/12/2017 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Số tiền 4.050.000 đồng là khoản chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đây là chi phí liên quan đến việc xử lý nợ theo thỏa thuận tại khoản 4 Điều 5 của Hợp đồng cho vay. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Lê Xuân M phải thanh toán lại số tiền trên cho Ngân hàng TMCP H.

** Đối với bị đơn là ông Lê Xuân M:*

Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án và niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không ủy quyền cho người nào khác đến tham gia tố tụng, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các bên đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H là có căn cứ. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Như Nga là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Lê Xuân M, Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án và niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy bị đơn Lê Xuân M, địa chỉ cư trú tại : số nhà M, tổ 4, khu phố 3 (nay là khu phố 12), phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. **Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP H (sau đây gọi tắt là MSB) về việc yêu bị đơn ông Lê Xuân M phải trả khoản tiền vay và lãi suất phát sinh trong Hợp đồng cho vay số: 172/2017/HĐCV ngày 29/12/2017 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/12/2017. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015**.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Ngày 29/12/2017, MSB và ông Lê Xuân M đã ký kết Hợp đồng cho vay số: 172/2017/HĐCV, đồng ý cho ông M vay số tiền 375.000.000 đồng; mục đích vay vốn để sửa chữa nhà ở; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; lãi suất cho vay: 23%/năm; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần. Cùng ngày 29/12/2017, MSB đã giải ngân cho ông M vay số tiền trên (theo Khế ước nhận nợ số: 172/2017/KUNN).

Ngày 02/01/2018, MSB đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho ông Lê Xuân M sử dụng (theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/12/2017) với số tiền là 24.000.000đ; lãi suất tối thiểu là 32%/năm; hạn mức duy trì sử dụng là 36 tháng.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, nhưng qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nói trên có đầy đủ chữ ký của bị đơn trong các văn bản nêu trên cùng với bên cho vay là MSB.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định việc vay tiền giữa ông Lê Xuân M với MSB là có thật. Nội dung thỏa thuận của các bên được ghi trong Hợp đồng cho vay số, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại **khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng**. Nên Hợp đồng phát sinh hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, **tính đến ngày 16/5/2018** ông Lê Xuân M đã trả được số tiền nợ gốc 23.501.443 đồng; trả nợ lãi 12.831.684 đồng. Sau ngày 16/5/2018 ông M ngưng không trả thêm khoản nào. Do vậy, ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. **Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015**; Hợp đồng cho vay số: 172/2017/HĐCV ngày 29/12/2017 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/12/2017 thì việc khởi kiện đòi nợ của MSB là có căn cứ.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/6/2022, ông Lê Xuân M còn nợ của MSB số tiền là 843.765.390 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc 375.498.557 đồng; Nợ lãi trong hạn: 383.310.094 đồng; Nợ lãi quá hạn: 84.956.739 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của MSB về việc yêu cầu ông Lê Xuân M phải trả số tiền nợ nêu trên là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay 172/2017/HĐCV ngày 29/12/2017 và Khế ước nhận nợ số: 172/2017/KUNN ngày 29/12/2017 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng 28/12/2017, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử (ngày 08/6/2022) cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ. Xét thấy, việc các bên thỏa thuận về mức lãi suất trong các hợp đồng nêu trên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay:

Kể từ ngày 08/6/2022, ông M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[6] Đối với số tiền số tiền 4.050.000 đồng là khoản chi phí MSB đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đây là chi phí liên quan đến việc

xử lý nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 172/2017HĐCV ngày 29/12/2017. Do vậy, MSB yêu cầu ông M có trách nhiệm phải thanh toán lại cho MSB số tiền trên là có cơ sở.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lê Xuân M phải chịu 37.313.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP H 13.628.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009286 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 299, 317, 318, 319, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; **khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;**

- Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H (MSB) đối với ông Lê Xuân M về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

1. Buộc ông Lê Xuân M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP H (MSB) số tiền nợ tính đến ngày 07/6/2022 là 843.765.390 đồng (*Tám trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc 375.498.557đồng; Nợ lãi trong hạn: 383.310.094 đồng; Nợ lãi quá hạn: 84.956.739 đồng.

Kể từ ngày 08/6/2022, ông Lê Xuân M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo

từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Buộc ông Lê Xuân M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP H (MSB) số tiền số tiền 4.050.000đ (Bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Về án phí:

Ông Lê Xuân M phải chịu 37.313.000đ (Ba mươi bảy triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP H (MSB) 13.628.000đ (Mười ba triệu, sáu trăm hai nghìn tám trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0009286 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Về việc thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA